

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ  
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 06/7/2018 của UBND huyện (về việc đề nghị giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương năm 2018); Báo cáo số 163/BC-UBND ngày 06/7/2018 của UBND huyện (về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và dự kiến điều chỉnh thu chi ngân sách năm 2018); Báo cáo số 05/BC-HĐND-BKTXH ngày 13/7/2018 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách huyện Đồng Phú năm 2018, như sau:

1. Tổng thu NSNN phát sinh trên địa bàn huyện năm 2018: 308 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tổng các khoản thu trong cân đối ngân sách: 302,5 tỷ đồng.

- Các khoản ghi thu, ghi chi: 5,5 tỷ đồng.

2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương năm 2018: 574,284 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu phát sinh trên địa bàn được hưởng: 196,452 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 303,833 tỷ đồng.

- Thu nguồn cải cách tiền lương tính bổ sung: 19,000 tỷ đồng.

- Thu kết dư: 49,499 tỷ đồng.

- Ghi thu ghi chi: 5,500 tỷ đồng.

3. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2018: 574,284 tỷ đồng.

(Có bảng chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Phân bổ dự toán điều chỉnh chi ngân sách địa phương năm 2018, như sau:

1. Chi trong cân đối ngân sách:	568,784 tỷ đồng.
Bao gồm:	
- Chi đầu tư phát triển:	131,934 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên:	360,309 tỷ đồng.
- Chi cải cách tiền lương từ nguồn tăng thu:	18,750 tỷ đồng.
- Chi tinh giản biên chế từ giảm trừ dự toán:	2,527 tỷ đồng.
- Chi cải cách tiền lương tinh bổ sung:	19,000 tỷ đồng.
- Chi từ nguồn tăng thu dự toán 2018:	4,425 tỷ đồng.
- Chi từ cho thuê siêu thị:	6,871 tỷ đồng.
- Chi từ kết dư năm 2017:	16,429 tỷ đồng.
- Dự phòng:	8,539 tỷ đồng.
2. Các khoản chi được để lại quản lý qua NSNN:	5,500 tỷ đồng.

(Có bảng chi tiết kèm theo)

**Điều 3.** Giao: Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đồng Phú khoá XI, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 16/7/2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *h*

- TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Tổ trưởng Tổ Đại biểu HĐND tỉnh phụ trách huyện Đồng Phú;
- Sở Tư pháp, Công báo tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng, ban, ngành đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT. *h*



**Trần Văn Hồng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Biểu số 01**

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THUẾ GIÁO SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ/HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Nội dung	DT năm 2018	DT điều chỉnh năm 2018	Khối Huyện	Khối xã, thị trấn	Trong đó										
					Trong đó										
					TT Tân Phú	Thuận Lợi	Thuận Phú	Đồng Tâm	Đồng Tiến	Tân Phước	Tân Hưng	Tân Hoà	Tân Tiến	Tân Lập	Tân Lợi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>215.000</b>	<b>308.000</b>	<b>293.557</b>	<b>14.443</b>	<b>4.036</b>	<b>692</b>	<b>2.974</b>	<b>541</b>	<b>1.408</b>	<b>694</b>	<b>371</b>	<b>868</b>	<b>1.294</b>	<b>1.231</b>	<b>334</b>
<b>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>208.500</b>	<b>302.500</b>	<b>293.557</b>	<b>8.943</b>	<b>3.036</b>	<b>492</b>	<b>1.074</b>	<b>341</b>	<b>908</b>	<b>394</b>	<b>171</b>	<b>168</b>	<b>1.094</b>	<b>1.031</b>	<b>234</b>
<b>I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong</b>	<b>208.500</b>	<b>302.500</b>	<b>293.557</b>	<b>8.943</b>	<b>3.036</b>	<b>492</b>	<b>1.074</b>	<b>341</b>	<b>908</b>	<b>394</b>	<b>171</b>	<b>168</b>	<b>1.094</b>	<b>1.031</b>	<b>234</b>
1. Thu DN nhà nước địa phương		500	500												
2. Thu từ khu vực CTN-NQD	71.000	78.500	75.441	3.059	1.000	42	520	40	280	67	45	35	670	340	20
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.000	17.000	17.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế tài nguyên	5.000	6.500	6.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế giá trị gia tăng	50.300	54.500	51.441	3.059	1.000	42	520	40	280	67	45	35	670	340	20
- Thu khác ngoài quốc doanh	700	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Lệ phí trước bạ	20.000	24.000	20.990	3.010	1.000	300	350	120	400	150	40	30	200	300	120
4. Thuế SD đất phi nông nghiệp	100	100	0	100	20	10	20	10	10	5	5	0	5	10	5
5. Thuế thu nhập cá nhân	20.000	22.800	22.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Thuế bảo vệ môi trường	1.500	1.000	1.000	0	0										
7. Thu phí và lệ phí	5.800	6.000	5.161	839	120	45	101	47	80	81	10	23	98	221	13
8. Tiền sử dụng đất	50.000	92.000	92.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Thu tiền cho thuê đất	30.000	68.000	68.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	4.000	3.700	3.700	0	0				0	0	0	0			0
11. Thu khác	3.900	3.900	1.965	1.935	896	95	83	124	138	91	71	80	121	160	76
<i>Tr. đó: + Thu khác tại huyện</i>	<i>610</i>	<i>630</i>	<i>630</i>												
<i>+ Thu phạt ATGT</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>1.335</i>	<i>665</i>	<i>216</i>	<i>33</i>	<i>43</i>	<i>41</i>	<i>53</i>	<i>55</i>	<i>38</i>	<i>44</i>	<i>44</i>	<i>58</i>	<i>40</i>
<i>+ Thu khác tại xã</i>	<i>1.290</i>	<i>1.270</i>		<i>1.270</i>	<i>680</i>	<i>62</i>	<i>40</i>	<i>83</i>	<i>85</i>	<i>36</i>	<i>33</i>	<i>36</i>	<i>77</i>	<i>102</i>	<i>36</i>





